**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** **BỘ NGOẠI GIAO**

**HỌC VIỆN NGOẠI GIAO**

**ĐỖ THỊ HỒNG LOAN**

# HỢP TÁC QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM TRONG LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH SAU CHIẾN TRANH LẠNH

Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế
Mã số: 9 31 02 06

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

**Hà Nội - 2019**

Công trình được hoàn thành tại Học viện Ngoại giao

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS.TS. NGUYỄN NAM DƯƠNG
2. PGS.TS. NGUYỄN PHƯƠNG BÌNH

Phản biện 1: .....

Phản biện 2: .....

Phản biện 3: .....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện họp tại Học viện Ngoại giao vào hồi giờ ngày tháng năm 2019

Có thể tìm hiểu Luận án tại thư viện:

Thư viện Quốc gia

Thư viện Học viện Ngoại giao

# MỞ ĐẦU

## 1. Lý do chọn đề tài

Do tính lan truyền xuyên biên giới của các loại dịch bệnh, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh có vai trò quan trọng, tác động sâu sắc đến việc duy trì an ninh và phát triển của các quốc gia, trong đó có Việt Nam, nhất là trong bối cảnh đất nước đang trong quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng. Việc Việt Nam tham gia hợp tác quốc tế trong công tác phòng chống dịch bệnh là vấn đề cấp thiết, có ý nghĩa không chỉ ở khía cạnh giới hạn sự lây nhiễm của dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước hiện nay, mà còn vì sự ổn định và phát triển chung của khu vực và thế giới.

Trước đây, đã có một số công trình nghiên cứu về chủ đề hợp tác quốc tế trong phòng chống dịch bệnh, tuy nhiên khía cạnh an ninh và đối ngoại của vấn đề, đặc biệt là việc tiếp cận vấn đề dịch bệnh như là một nội dung của vấn đề an ninh phi truyền thống, chưa được đề cập một cách đầy đủ và toàn diện. Bên cạnh đó, sự xuất hiện của nhiều dịch bệnh mới, có nguy cơ lây lan cao trong bối cảnh toàn cầu hóa cũng đặt ra yêu cầu về tăng cường hợp tác giữa các quốc gia để cùng chung tay giải quyết. Việc đánh giá quá trình hợp tác quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh có ý nghĩa thiết thực trong việc đảm bảo an ninh kinh tế, an ninh con người, đồng thời là cơ sở cho những khuyến nghị về tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài "**Hợp tác quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh sau Chiến tranh Lạnh**" nhằm góp phần vào việc đánh giá tính hiệu quả, vai trò của quá trình hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh, dự báo những yếu tố ảnh hưởng đến hợp tác quốc tế của Việt Nam trong phòng chống dịch bệnh trong tương lai, đồng thời phân tích ảnh hưởng của vấn đề này đối với an ninh và phát triển của Việt Nam.

Luận án cũng góp phần phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu ở Việt Nam về mối quan hệ tương tác giữa an ninh con người, an ninh y tế và an ninh kinh tế, chính sách của một số nước trong lĩnh vực hợp tác phòng chống dịch bệnh, và đặc biệt là lĩnh vực hợp tác quốc tế về phòng chống dịch bệnh trong quá trình hội nhập quốc tế toàn diện của đất nước.

**2. Tình hình nghiên cứu vấn đề**

Sau Chiến tranh Lạnh, ngày càng nhiều vấn đề có liên quan đến an ninh được giới nghiên cứu quốc tế và các nhà hoạch định chính sách quan tâm với sự chú trọng hơn đến các vấn đề an ninh phi truyền thống. Tuy nhiên, vấn đề hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh như đã đề cập ở trên thường không được quan tâm với tư cách là một chủ đề nghiên cứu cụ thể, mà thường được xem xét như là một vấn đề có liên quan trong nội hàm của vấn đề an ninh phi truyền thống, hoặc trong chính sách ngoại giao sức khỏe cộng đồng của một số nước, hoặc chỉ được nhắc đến như một nội dung cụ thể trong các báo cáo phát triển của Liên hợp quốc và Tổ chức Y tế Thế giới.

*Về tình hình an ninh chung tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương sau Chiến tranh Lạnh có khá nhiều tác phẩm nghiên cứu về an ninh khu vực Châu Á - Thái Bình Dương bao gồm: Post - cold war security issues in the Asia - Pacific region* do Colin Mclnnes và Mark G.Roll làm chủ biên, Nhà xuất bản Frank Cass & Co.Ltd. phát hành năm 1994; *The security environment in the Asia - Pacific* của tác giả Hung-mao Tien và Tun-jen Cheng do Nhà xuất bản M.E Sharpe phát hành năm 2000; *Comprehensive Security in Asia* của tác giả Kurt W.Radtke và Raymond Feddema do Nhà xuất bản Koninklyke Brill NV phát hành năm 2000. Nhìn chung, các công trình nghiên cứu trên đã đề cập và phân tích các vấn đề an ninh khác nhau của khu vực sau Chiến tranh Lạnh, đồng thời đưa ra dự báo các yếu tố ảnh hưởng đến an ninh khu vực những năm tiếp theo. Tuy nhiên, những tài liệu này

chưa chỉ ra cụ thể vấn đề sức khỏe cộng đồng nói chung, dịch bệnh nói riêng là những vấn đề có ảnh hưởng đến an ninh khu vực như thế nào.

*Nhiều công trình nghiên cứu đi sâu viết về sự tương tác trong quan hệ Mỹ - Trung Quốc và ảnh hưởng của nó đến khu vực.* Sau Chiến tranh Lạnh, tình hình thế giới và khu vực Châu Á- Thái Bình Dương có những chuyển biến sâu sắc, đáng chú ý là sự thay đổi tương quan lực lượng giữa các cường quốc, trong đó sự suy giảm của bá quyền Mỹ và sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc là những biến đổi có tác động nhiều mặt đến khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Quan hệ Mỹ - Trung với các mặt hợp tác và đấu tranh đan xen phức tạp, ảnh hưởng mạnh mẽ đến an ninh khu vực. Mỹ và Trung Quốc là hai đối tác lớn quan trọng của Việt Nam, vì vậy các biến động trong quan hệ Mỹ - Trung đều ảnh hưởng sâu sắc tới Việt Nam, trong đó có vấn đề hợp tác quốc tế của Việt Nam nói chung và trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh nói riêng. Các công trình nghiên cứu về sự tương tác giữa Mỹ và Trung Quốc và các tác động đối với khu vực có thể kể đến như *China shakes the world - A titan's rise and troubled future - and the challege for America của* James Kynge, Nhà xuất bản Houghton Miflin, 2006*; A contest for Supremacy - China, America and the Struggle for mastery in Asia* của Aaron L. Friedberg, W.W. Norton& Company, Inc, 2011. Các nghiên cứu trên đã mang lại cái nhìn tổng thể trong việc phân tích chính sách đối ngoại của Mỹ, Trung Quốc nói chung, lĩnh vực sức khỏe cộng đồng, phòng chống dịch bệnh nói riêng - là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh tại khu vực, trên thế giới, cũng như ảnh hưởng đối với Việt Nam trong lĩnh vực này.

*Vấn đề an ninh phi truyền thống đang ngày càng được quan tâm nghiên cứu hơn:* Các công trình nghiên cứu tiêu biểu về an ninh phi truyền thống gồm: *"Human Security: East versus West",* International Journal, Vol. 3, Amitav Acharya (2001); *"Nontraditional*

*security in Southeast Asia"* của tác giả Andrew T. H. Tan và J.D. Kenneth Boutin, Viện Nghiên cứu Chiến lược và Quốc Phòng, Singapore, xuất bản năm 2001; *"Climate Change and Human Development in Viet Nam"* của tác giả Chaudhry, P. và Ruysschaert, G trong báo cáo về phát triển con người năm 2007/2008. Ở trong nước, có thể kể đến một số công trình tiêu biểu như: *"Hợp tác Đông Á trong việc giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống"* của tác giả Hoàng Minh Hằng,Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á, 2012; *"Cơ sở lý luận và phương pháp luận nghiên cứu vấn đề an ninh phi truyền thống trong bối cảnh Hội nhập quốc tế",* Hội thảo khoa học, 15/6/2013**,** Học viện Chính trị Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (Học viện Chính trị - Hành chính khu vực I**)**; *"An ninh phi truyền thống - vấn đề mang tính toàn cầu"* của tác giả Nguyễn Mạnh Hưởng,Tạp chí Cộng sản, 30/12/2011**;** *"An ninh phi truyền thống và tác động đối với Việt Nam"* của tác giả Đỗ Thị Thảo, Tạp chí Cộng sản Điện tử, 30/7/2013. Các công trình nghiên cứu trên đã bước đầu đề cập đến vấn đề dịch bệnh trong khi nghiên cứu các vấn đề an ninh phi truyền thống, đồng thời cung cấp cho luận án cơ sở lý luận và phương pháp luận về nghiên cứu vấn đề an ninh phi truyền thống.

*Về mối liên hệ giữa ngoại giao và sức khỏe cộng đồng, phòng chống dịch bệnh, một số công trình nghiên cứu tiêu biểu về chủ đề này bao gồm:* Cooper R. *The breaking of nations: Order and chaos in the 21st century*. New York: Atlantic Monthly Press, 2003; Kickbusch I. *Global health governance: some new theoretical considerations on the new political space* In: Lee K, ed. *Globalization and health*. London: Palgrave, 2003,192-203; Berridge GR. Diplomacy. *Theory and practice*. London and New York: Palgrave, Macmillan, 2005; Slaughter AM. *A new world order*. Princeton and Oxford: Princeton University Press, 2004; *Agreement on foreign health policy objectives*, adopted by the Swiss Federal Department of Foreign Affairs and the Swiss Federal Department of Home Affairs in Berne, Switzerland, 9 October 2006. Các tài liệu này đã phân tích mối quan hệ giữa ngoại

giao và sức khỏe cộng đồng, vấn đề bệnh tật và phòng chống dịch bệnh. Đặc biệt, các công trình trên còn nhấn mạnh vấn đề phòng chống dịch bệnh hiện nay là một trong những ưu tiên trong chính sách đối ngoại của một số nước.

*Về chính sách đối ngoại của một số nước trong vấn đề sức khỏe cộng đồng, hợp tác phòng chống dịch bệnh, các công trình nghiên cứu chính về chủ đề này bao gồm*: *"From International to Global Health,* Journal of Community Health 26 (2001)", Banta James E.; Silver George, *"International Health Services Need an Interorganizational Policy,"* American Journal of Public *Health*, 1998; "*US Public Health Leaders Shift Toward a New Paradigm of Global Health*", American Journal of Public Health 91 (2001): *1556 - 1558,* Bunyavanich Supinda and Ruth B. Walkup*; Making Health a Priority of US Foreign Policy* của tác giả Daniel M. Fox và Jordan S. Kassalow, Tạp chí sức khỏe cộng đồng Mỹ, tháng 10/2001; *Why Health Is Important to US Foreign Policy*. New York, NY, Council on Foreign Relations and Milbank Memorial Fund của tác giả Kassalow JS, 2001; "*Indonesia Steps Up Global Health Diplomacy"*, Murray Hiebert, Center for Strategic and International Studies, 2013; "*Global health diplomacy: the need for new perspectives, strategic approaches and skills in global health''* của nhóm tác giả Ilona Kickbusch, Gaudenz Silberschmidt, Paulo Buss, đăng trên Tập san định kỳ của Tổ chức y tế thế giới, tháng 3/2007. Các công trình này cho rằng, vấn đề sức khỏe là một trong những mối quan ngại đối với an ninh quốc gia. Những nghiên cứu trên đã góp phần làm sáng tỏ luận điểm coi vấn đề sức khỏe cộng đồng, phòng chống dịch bệnh là các ưu tiên trong chính sách đối ngoại. Kết luận này giúp cung cấp cho luận án cái nhìn đầy đủ hơn về ngoại giao sức khỏe cộng đồng.

*Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực sức khỏe cộng đồng, phòng chống dịch bệnh tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương được phản ánh trong các công trình nghiên cứu chính bao gồm* :các báo cáo hàng

năm của Tổ chức Y tế Thế giới, Liên hợp quốc (tiêu biểu là công trình nghiên cứu: *Combating Emerging Infectious Diseases in the South-East Asia Region của Tổ chức Y tế thế giới, 2005).* Nghiên cứu này đã phân tích kết quả của hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh cùng các cơ chế điều chỉnh/điều tiết hợp tác trong lĩnh vực này.

*Qua quá trình tập hợp tư liệu cho luận án, nghiên cứu sinh nhận thấy rằng chính sách của Việt Nam trong lĩnh vực sức khỏe cộng đồng, phòng chống dịch bệnh được thể hiện trong:* chính sách của Việt Nam đối với lĩnh vực y tế nói chung và phòng chống dịch bệnh nói riêng được nhắc đến trong văn kiện các kỳ Đại hội Đảng toàn quốc, một số Nghị quyết TW, Quyết định của Thủ tướng Chính như: Nghị quyết TW4, khoá VII về những vấn đề cấp bách của sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân; Nghị quyết số 46/NQ-TW về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; Nghị quyết 22/NQ - TW của Bộ Chính Trị về hội nhập; Quyết định số 153/2006/QĐ - TTg ngày 30/06/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế Việt Nam giai đoạn đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020"; Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010; Kế hoạch ngày y tế 2011 - 2015; Báo cáo hàng năm của Bộ Y tế. Đây là những tài liệu quan trọng giúp tác giả luận án đưa ra những minh chứng cụ thể về lĩnh vực nghiên cứu, đồng thời là cơ sở để đưa ra những khuyến nghị chính sách cho việc hợp tác quốc tế về lĩnh vực sức khỏe cộng đồng.

**3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

***Mục đích:***

Phân tích thực tiễn hợp tác quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh thời kỳ sau Chiến tranh Lạnh nhằm đánh

giá tính hiệu quả của sự hợp tác và đề xuất các khuyến nghị nhằm thúc đẩy hợp tác quốc tế của Việt Nam về lĩnh vực này trong thời gian tới.

***Nhiệm vụ nghiên cứu***

- Làm rõ cơ sở lý thuyết và thực tiễn của hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh kể từ sau Chiến tranh Lạnh.

- Phân tích tác động của vấn đề dịch bệnh đối với an ninh và phát triển của Việt Nam và vai trò của hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh.

- Đánh giá quá trình hợp tác quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh (các kết quả và hạn chế); từ đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy lĩnh vực hợp tác này trong những năm tới.

**4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

***Đối tượng nghiên cứu***

Quá trình Hợp tác quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh kể từ sau Chiến tranh Lạnh.

***Phạm vi nghiên cứu***

*Về thời gian:* từ sau Chiến tranh Lạnh tới nay (2019).

*Về không gian:* Luận án tập trung phân tích quá trình hợp tác quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh tại: khu vực (ASEAN) và quốc tế, đặc biệt là khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, khu vực địa lý liên quan trực tiếp đến các lợi ích của Việt Nam.

*Về các nước được lựa chọn nghiên cứu*: Như phân tích ở trên, chính sách phòng chống dịch bệnh không chỉ nhằm đảm bảo sức khỏe nói chung cho cộng đồng mà ở khía cạnh đối ngoại, chính sách này còn nhằm phục vụ các mục tiêu lợi ích quốc gia dưới khía cạnh an ninh, phát triển cũng như nâng cao vị thế, ảnh hưởng quốc gia trên trường quốc tế. Trên cơ sở đó, đề tài chọn nghiên cứu kinh nghiệm thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế của Mỹ với tư cách không chỉ là siêu cường có ảnh hưởng sâu rộng nhất ở tầm toàn cầu,

mà còn có vai trò, ảnh hưởng cụ thể tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, môi trường an ninh sát sườn đối với Việt Nam. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu Trung Quốc với tư cách cường quốc đang trỗi dậy với tiềm lực và ảnh hưởng ngày càng gia tăng tại khu vực sẽ giúp so sánh chính sách và cách thức thực hiện chính sách của hai chủ thể quan trọng nhất hiện nay tại khu vưc là Mỹ và Trung Quốc. Trường hợp nghiên cứu thứ ba là Indonesia, có trình độ và bối cảnh phát triển tương tự như Việt Nam.

*Về cách tiếp cận*: Hợp tác quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh được tiếp cận như là một trong những nội dung của vấn đề an ninh phi truyền thống, vấn đề toàn cầu.

**5. Phương pháp nghiên cứu**

Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế kết hợp với phương pháp nghiên cứu liên ngành. Các phương pháp như phân tích, tổng hợp, phương pháp thống kê, so sánh và dự báo, phương pháp nghiên cứu trường hợp được sử dụng nhằm bổ trợ cho việc phân tích, luận giải các cơ sở khoa học và thực tiễn liên quan đến đề tài nghiên cứu cũng như xu hướng phát triển của vấn đề nghiên cứu. Luận án cũng sử dụng phương pháp phỏng vấn chuyên gia nhằm làm rõ hơn thực tế triển khai hợp tác quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh.

**6. Những đóng góp của luận án**

- Luận án là công trình nghiên cứu có hệ thống ở Việt Nam về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh từ sau Chiến tranh Lạnh.

- Luận án góp phần làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh và kinh nghiệm của một số nước tiêu biểu trong phòng chống dịch bệnh.

- Các kết quả nghiên cứu của luận án đóng góp vào các lý luận hiện nay về vai trò, vị trí của hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh trong tổng thể chính sách đối ngoại của Việt Nam, liên quan đến các khía cạnh an ninh, phát triển và ảnh hưởng.

- Trên cơ sở các nghiên cứu về quá trình hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh từ sau Chiến tranh Lạnh đến nay và sự tham gia của Việt Nam cùng những vấn đề đặt ra từ quá trình này, luận án đưa ra một số khuyến nghị đối với Việt Nam nhằm thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh trong tương lai.

- Là một trong những nguồn tài liệu tham khảo cho công tác nghiên cứu và giảng dạy về hội nhập quốc tế, cụ thể là hợp tác quốc tế trong lĩnh vực y tế nói chung và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, phòng chống dịch bệnh nói riêng.

**7. Bố cục của luận án**

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận án được kết cấu trong 3 chương sau:

**Chương 1: PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH TRONG QUAN HỆ QUỐC TẾ VÀ Ở VIỆT NAM: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**

**Chương 2: THỰC TIỄN HỢP TÁC QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM TRONG LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH SAU CHIẾN TRANH LẠNH**

**Chương 3: ĐÁNH GIÁ VÀ TRIỂN VỌNG HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH CỦA VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI, MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ**

# CHƯƠNG 1
# PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH TRONG QUAN HỆ QUỐC TẾ VÀ Ở VIỆT NAM: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

## 1.1. Cơ sở lý luận

### *1.1.1. Các vấn đề an ninh phi truyền thống*

Các vấn đề an ninh phi truyền thống là những vấn đề nổi lên từ sau thời kỳ Chiến tranh Lạnh và không thuộc các vấn đề an ninh truyền thống, nhưng cũng là mối đe dọa trực tiếp đến sự tồn tại và phát triển của một quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu. Vì thế nhiều học

giả thay vì dùng khái niệm an ninh phi truyền thống lại dùng khái niệm các mối đe dọa an ninh phi truyền thống với cùng nội hàm. Định nghĩa như trên mở ra phương pháp tiếp cận để nhận dạng các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở hiện tại và trong tương lai.

Khái niệm an ninh phi truyền thống ra đời phản ánh sự thay đổi nhận thức của con người về an ninh và sự mở rộng nội hàm của khái niệm an ninh quốc gia. Tuy nhiên, các quan niệm về vấn đề an ninh phi truyền thống không hoàn toàn thống nhất và việc tách biệt đâu là vấn đề an ninh truyền thống và đâu là an ninh phi truyền thống chỉ mang tính tương đối bởi sự đan xen, chồng lấn nội dung giữa chúng. Theo Liên hợp quốc, ANPTT bao gồm an ninh con người (cá nhân) và an ninh cộng đồng. Trong báo cáo "Phát triển con người" năm 1994 của Liên hợp quốc, ANPTT bao gồm bảy lĩnh vực là: kinh tế, lương thực, sức khỏe, môi trường, con người, cộng đồng và chính trị. Theo một tài liệu khác, ANPTT bao gồm 5 lĩnh vực cơ bản là: kinh tế, môi trường, xã hội, chính trị và văn hóa (Human Development Report 1994).

Vấn đề dịch bệnh là một trong những nội hàm của vấn đề an ninh phi truyền thống, có thể đe dọa đến sự phát triển bền vững của các quốc gia, ảnh hưởng đến con người và cộng đồng. Bên cạnh đó, dịch bệnh cũng được coi là một trong những vấn đề an ninh phi truyền thống trong nhiều giai đoạn và khu vực địa lý khác nhau.

### *1.1.2. Khái niệm dịch bệnh và an ninh con người.*

*Khái niệm dịch bệnh*

Theo từ điển Merrian - Webster: Dịch bệnh là sự bùng phát của một bệnh sau đó lan tràn nhanh chóng và ảnh hưởng đến nhiều cá nhân tại một thời điểm.

Theo nhóm tác giả Green MS, Swatz T.Mayshar E, Lev B, Leventhal A, Slater PE, Shemer Js: Dịch bệnh (tiếng Anh: epidemic, trong tiếng Hy Lạp, từ dịch bệnh có nghĩa là *ἐπί* epi *"upon or above" và δῆμος* demos *"people"* ) là sự lây lan nhanh chóng của một bệnh

truyền nhiễm với số lượng lớn những người bị nhiễm trong một cộng đồng hoặc một khu vực trong vòng một thời gian ngắn, thường là hai tuần hoặc ít hơn.

Như vậy, dịch bệnh có thể hiểu là sự bùng phát của một bệnh truyền nhiễm với số lượng lớn những người bị nhiễm trong một cộng đồng hoặc một khu vực trong thời gian ngắn. Dịch bệnh có tác động, ảnh hưởng sâu rộng đến sức khỏe của cá nhân, cộng đồng.

*Khái niệm "an ninh con người"* lầu đầu tiên được nêu lên trong Báo cáo Phát triển Con người của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) năm 1994. Theo đó, UNDP cho rằng an ninh con người gồm hai khía cạnh chính là (i) an toàn trước các mối đe dọa triền miên như đói khát, bệnh tật và áp bức; và (ii) con người được bảo vệ trước những biến động bất thường và có hại đối với cuộc sống hàng ngày dù là trong gia đình, nơi làm việc hay ở cộng đồng.

Trên cơ sở cách hiểu này, UNDP cho rằng an ninh con người bao gồm 7 thành tố chính: (i) an ninh kinh tế, (ii) an ninh lương thực, (iii) an ninh y tế, (iv) an ninh môi trường, (v) an ninh cá nhân, (vi) an ninh cộng đồng, và (vi) an ninh chính trị. Trong đó, an ninh y tế được hiểu là việc đảm bảo sức khỏe cho mọi người dân.

### *1.1.3. Sức khỏe và an ninh trong chính sách đối ngoại*

Kể từ sau Chiến tranh Lạnh, các nhà hoạch định chính sách đã thừa nhận các tác động to lớn của khủng hoảng sức khỏe đối với các lợi ích quốc gia. Do vậy, các vấn đề sức khỏe cụ thể thường xuyên được đề cập trong các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của các nước. Cụ thể hơn, vấn đề sức khỏe có liên hệ với chính sách đối ngoại và các mối đe dọa đối với sức khỏe cộng đồng cũng thường được coi là mối đe dọa đối với an ninh quốc gia.

### *1.1.4. Ngoại giao sức khỏe*

Thuật ngữ ngoại giao sức khỏe đã xuất hiện trong các hiệp định quốc tế về sức khỏe cùng với nỗ lực của các quốc gia trong việc thúc đẩy vai trò của việc bảo đảm sức khỏe cộng đồng, phòng chống dịch bệnh trong chính sách đối ngoại, sử dụng sự can thiệp về sức

khỏe trong hỗ trợ các mục tiêu chính sách đối ngoại.

Ngày nay, thuật ngữ ngoại giao sức khỏe toàn cầu đã trở nên phổ biến và có vị trí vững chắc trong từ vựng y tế toàn cầu với mối liên hệ với cả hoạt động sức khỏe cộng đồng và chính sách ngoại giao. Các hoạt động ngoại giao sức khỏe toàn cầu cũng đã chuyển đổi từ hình thức viện trợ cho trong lĩnh vực y tế sang đối tác hợp tác nhiều tầng lớp cả ở kênh song phương và đa phương (với sự ra đời của các tổ chức, cơ chế quốc tế về sức khỏe), cũng như chuyển sang tập trung vào việc tăng cường hệ thống chăm sóc sức khỏe phổ quát trên quy mô toàn cầu.

## 1.2. Cơ sở thực tiễn

### *1.2.1. Các nhân tố tác động đến hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh sau Chiến tranh Lạnh*

***Toàn cầu hóa***

Toàn cầu hóa đã và đang đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thế giới, hợp lý hóa phân công lao động trên phạm vi toàn cầu và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình công nghiệp hóa ở nhiều nước chậm phát triển và đang phát triển. Bên cạnh đó, toàn cầu hóa cũng tác động ngày càng sâu rộng, cả trực tiếp và gián tiếp đến các lĩnh vực văn hóa, xã hội, y tế và giáo dục.

***Hội nhập quốc tế***

Do lĩnh vực y tế, phòng chống dịch bệnh cũng là một lĩnh vực của nền kinh tế, quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay ở cả cấp độ khu vực và quốc tế cũng đem lại cơ hội để lĩnh vực này có điều kiện phát triển. Các nước phát triển có thể bán, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực y tế. Trong khi đó, các nước tiếp nhận có điều kiện tiếp cận các công nghệ y tế chất lượng cao, tiếp cận công nghệ sản xuất các loại thuốc/vắc xin hoặc mua các loại thuốc này với giá hợp lý nhằm phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh.

***Sự nổi lên của các vấn đề an ninh phi truyền thống***

Các vấn đề an ninh phi truyền thống thường được coi là bao gồm 7 lĩnh vực chính: kinh tế, lương thực, sức khỏe, môi trường, con

người, cộng đồng và chính trị. Do đó, các vấn đề an ninh phi truyền thống đều coi các thách thức đối với sức khỏe hay các đe dọa từ dịch bệnh là các thách thức an ninh phi truyền thống. Xét từ góc độ an ninh, một đại dịch xảy ra trước hết ảnh hưởng trực tiếp đến con người - lực lượng trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất của xã hội hoặc thế hệ tương lai của quốc gia từ đó có khả năng dẫn đến những bất ổn về kinh tế - xã hội. Trên cơ sở đó, sức khỏe cộng đồng ngày càng được tiếp cận như là một trong những vấn đề an ninh phi truyền thống, là một trong những nội dung quan trọng trong chính sách đối ngoại của các quốc gia.

### *1.2.2. Kinh nghiệm của một số nước trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh*

***Mỹ***

Phòng chống dịch bệnh là một thành tố quan trọng trong chính sách đối ngoại của Mỹ và cũng là một trong những nội dung ảnh hưởng đến an ninh của Mỹ. Điều này được thể hiện xuyên suốt và nhất quán trong việc hoạch định triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ trong lĩnh vực này đến những hoạt động cụ thể Mỹ áp dụng đối với các nước thông qua các chương trình hợp tác đa phương, song phương, các chương trình mang tính toàn cầu hay vai trò của các tùy viên y tế.

***Trung Quốc***

Trước đây Trung Quốc chú trọng đến hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh nhằm mục đích đảm bảo an ninh y tế, ngăn ngừa dịch bệnh. Tuy nhiên, ở giai đoạn sau, cùng với sự gia tăng tiềm lực của mình, Trung Quốc ngày càng chú trọng đến lĩnh vực hợp tác quốc tế trong phòng chống dịch bệnh nhằm gia tăng ảnh hưởng của họ trên thế giới, đặc biệt là tại các nước Châu Phi.

***Indonesia***

Indonesia là quốc gia đang phát triển và từng phải đối phó với sự bùng phát và lan tràn của nhiều loại dịch bệnh truyền nhiễm. Trong khi

đó, trình độ phát triển và hệ thống y tế của nước này còn nhiều hạn chế, do vậy Indonesia rất chú trọng đến hợp tác quốc tế không chỉ trong việc kiểm soát dịch bệnh, mà còn đến vấn đề căn bản hơn là phát triển các loại vắc xin, thuốc chữa đối với các loại dịch bệnh nguy hiểm. Indonesia cũng quan tâm đến sự công bằng và tính minh bạch trong việc chia sẻ mẫu vi-rút để sản xuất vắc xin.

### *1.2.3. Các cơ chế điều phối hợp tác quốc tế và khu vực trong phòng chống dịch bệnh*

Do mức độ quan trọng của vấn đề phòng chống dịch bệnh đối với hòa bình và phát triển trên toàn cầu, nhiều cơ chế hợp tác quốc tế đã được thiết lập nhằm thúc đẩy việc điều phối các hoạt động phòng, chống dịch bệnh. Ở cấp độ toàn cầu, Liên hợp quốc là cơ chế bao trùm nhất với một hệ thống hoàn chỉnh các cơ quan hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau, nhưng đều có liên quan đến vấn đề phòng chống dịch bệnh như WHO, UNDP, FAO, …Ở khu vực Đông Nam Á, ASEAN là tổ chức hợp tác khu vực toàn diện nhất với ba trụ cột trong xây dựng cộng đồng. ASEAN đã xây dựng nhiều mục tiêu và thiết lập nhiều chương trình hành động trong việc kiểm soát và phòng chống dịch bệnh tại khu vực.

### *1.2.4. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương sau Chiến tranh Lạnh*

Các nền kinh tế khu vực Châu Á - Thái Bình Dương được coi là khá nhạy cảm với dịch bệnh do các loại dịch bệnh này có thể gây tổn thất to lớn về con người và giá trị kinh tế. Tuy nhiên, việc hợp tác giữa các quốc gia khu vực Châu Á - Thái Bình Dương trong việc ứng phó với dịch bệnh gặp phải những khó khăn nhất định: (i) chi phí cao của việc điều trị cho nhiều bệnh truyền nhiễm trong khi dân số tiếp tục gia tăng; (ii) sự thiếu minh bạch trong việc công bố các dịch bệnh, đặc biệt là ở giai đoạn sớm; (iii) công tác tuyên truyền về nâng cao năng lực, nhận thức trong phòng chống dịch bệnh không được chú trọng.

# CHƯƠNG 2
# THỰC TIỄN HỢP TÁC QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM TRONG LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH SAU CHIẾN TRANH LẠNH

## 2.1. Chính sách của Việt Nam về hợp tác quốc tế trong phòng chống dịch bệnh

### *2.1.1. Lợi ích của Việt Nam trong hợp tác quốc tế về phòng chống dịch bệnh*

***Lợi ích an ninh***

Có thể thấy vấn đề dịch bệnh ngày càng tác động lớn đến ổn định khu vực, trong đó có Việt Nam. Hợp tác quốc tế về phòng chống dịch bệnh đem lại các lợi ích an ninh bao gồm: (i) góp phần đảm bảo an ninh sức khỏe cho người dân, người lao động; (ii) góp phần vào việc duy trì ổn định, an toàn trật tự xã hội bởi một khi dịch bệnh bùng phát cùng với các hậu quả nghiêm trọng sẽ kéo theo các vấn đề kinh tế - xã hội; (iii) đóng vai trò quan trọng đảm bảo an ninh quốc gia, trật tự xã hội tại các vùng biên giới, của khẩu quốc tế.

***Lợi ích phát triển***

Hợp tác quốc tế phòng chống dịch bệnh đem lại một số lợi ích về phát triển như sau: (i) góp phần nâng cao sức khỏe cho lực lượng lao động, đảm bảo độ an toàn, chất lượng cho các loại hàng hóa phục vụ xuất nhập khẩu; (ii) góp phần kiểm soát, ngăn chặn hiệu quả các mầm mống dịch bệnh từ bên ngoài biên giới, từ đó đảm bảo môi trường sức khỏe an toàn cho các hoạt động du lịch, giao lưu nhân dân; (iii) góp phần thu hút các nguồn lực cả về tài chính, công nghệ, nhân lực cho công tác đảm bảo sức khỏe và phòng chống dịch bệnh;

***Lợi ích về vị thế quốc tế của Việt Nam.***

Trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh, hợp tác quốc tế góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam, cụ thể như sau: (i) thể hiện Việt

Nam là một thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; (ii) góp phần không chỉ nâng cao vị thế và hình ảnh của ngành y tế Việt Nam nói riêng mà còn của Việt Nam nói chung; (iii) góp phần vào thể hiện năng lực và sự phát triển của ngành y tế Việt Nam, thể hiện vị thế và trách nhiệm của Việt Nam tại khu vực và trên thế giới.

### *2.1.2. Chính sách của Việt Nam trong lĩnh vực hợp tác quốc tế về phòng chống dịch bệnh*

Việt Nam đã từng bước tham gia và đóng góp tích cực vào nhiều cơ chế song phương, đa phương và nhiều tổ chức, diễn đàn quốc tế trong lĩnh vực y tế. Có thể nói, các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực y tế nói chung và lĩnh vực phòng chống dịch bệnh nói riêng của Việt Nam đã bắt đầu từ lâu nhưng các hoạt động này ít được định hướng hay quy hoạch thành chính sách hay chiến lược cụ thể.

Cho đến nay, Việt Nam chưa có một văn bản chính sách riêng biệt về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh. Tuy nhiên, trên thực tế, nội dung về định hướng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh thường được lồng ghép vào trong tổng thể chính sách đối với ngành y tế cũng như chính sách hội nhập quốc tế nói chung.

## 2.2. Hợp tác song phương của Việt Nam trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh sau Chiến tranh Lạnh

Có thể nói, từ những năm đầu của thập kỷ 90 của thế kỷ XX, công tác hợp tác quốc tế trong ngành y tế đã có những chuyển biến tích cực cả về lượng và chất với các nội dung cụ thể sau:

*Thứ nhất*, Việt Nam đã thực hiện đa phương hoá, đa dạng hoá, mở rộng quan hệ hợp tác y tế với các nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, các đối tác nước ngoài và các trung tâm khoa học quốc tế lớn nhằm tranh thủ sự hỗ trợ về tài chính, khoa học kỹ thuật, công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực.

*Thứ hai*, Việt Nam đã tiếp nhận đáng kể những hỗ trợ và viện trợ phát triển chính thức cho ngành y tế.

*Thứ ba*, Việt Nam tham gia hợp tác, hỗ trợ các quốc gia đang

phát triển khác trong lĩnh vực y tế, phòng chống dịch bệnh.

*Thứ tư*, Việt Nam đã cấp phép cho một số nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực sản xuất trang thiết bị y tế tại Việt Nam.

*Thứ năm*, Việt Nam chú trọng hợp tác y tế, phòng chống dịch bệnh với các nước láng giềng sát sườn do đây là khu vực dễ lây lan dịch bệnh trực tiếp nhất đối với Việt Nam.

*Thứ sáu*, với một số đối tác quan trọng, hợp tác về y tế và phòng chống dịch bệnh là một trong các nội dung ưu tiên của quan hệ song phương, không chỉ là kênh quan trọng duy trì quan hệ trong thời điểm khó khăn mà còn tạo nền tảng để thúc đẩy quan hệ song phương sang các lĩnh vực khác.

## 2.3. Hợp tác đa phương của Việt Nam trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh sau Chiến tranh Lạnh

### *2.3.1. Hợp tác quốc tế trong khuôn khổ ASEAN*

Ngay sau khi trở thành thành viên của ASEAN năm 1995, Việt Nam đã tích cực tham gia vào các hoạt động xây dựng cộng đồng, mở rộng và làm sâu sắc thêm quan hệ đối ngoại, phát huy vai trò trung tâm của ASEAN, đồng thời tăng cường hợp tác, ứng phó với những thách thức đang nổi lên ở khu vực, trong đó có các bệnh truyền nhiễm. Quá trình hợp tác này được thể hiện ở các điểm sau:

*Thứ nhất*, Việt Nam đã tham gia vào hầu hết các cơ chế phòng chống dịch bệnh chung của ASEAN .

*Thứ hai*, Việt Nam đã chủ động và tích cực đóng góp vào hoạt động phòng chống dịch bệnh chung của ASEAN thông qua việc đăng cai tổ chức các hội nghị chuyên ngành trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh.

*Thứ ba*, Việt Nam đã chủ động cùng với các quốc gia thành viên ASEAN xây dựng các chương trình hành động, chương trình hợp tác chung trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh.

*Thứ tư*, Việt Nam đã phối hợp cùng các nước thành viên ASEAN trong việc đàm phán với các công ty dược phẩm nhằm giảm giá các loại thuốc và hóa chất cần thiết.

*Thứ năm,* Việt Nam đã đào tạo nhiều thế hệ bác sĩ và cán bộ y tế cho các nước láng giềng như Lào, Campuchia, hỗ trợ Myanmar.

***2.3.2. Hợp tác quốc tế bên ngoài khuôn khổ ASEAN***

Việt Nam không chỉ tích cực tham gia các hoạt động hợp tác nội khối mà còn cùng các nước ASEAN hợp tác với các đối tác bên ngoài như với Nhật Bản, Úc và các cơ chế đa phương khác như: Hợp tác trong khuôn khổ Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC); Hợp tác trong các khuôn khổ các cơ chế hợp tác tiểu vùng Mê Kông; Hợp tác trong khuôn khổ WHO.

**2.4. Hợp tác với quốc tế trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh qua một số trường hợp dịch bệnh cụ thể.**

***2.4.1. MERS***

Một trong những biện pháp quan trọng nhất trong việc phòng chống MERS là giám sát chặt chẽ hành khách từ Trung Đông và Hàn Quốc vào Việt Nam tại các cửa khẩu quốc tế. Tất cả hành khách đến Việt Nam từ các nước có nguy cơ nhiễm bệnh như Hàn Quốc, Bahrain và Trung Đông được yêu cầu điền vào tờ khai sức khỏe đối với các đơn vị y tế để được theo dõi trong 14 ngày. Trong phối hợp với các nước liên quan, Bộ Y tế Việt Nam đã phối hợp tổ chức Hội nghị trực tuyến Bộ trưởng các nước ASEAN+3 về ứng phó với bệnh MERS-coV nhằm cập nhật tình hình và chia sẻ kinh nghiệm giữa các quốc gia khu vực Đông Á.

***2.4.2. HIV/AIDS***

Ngăn ngừa và phòng chống AIDS đang là ưu tiên của chính phủ Việt Nam. Thực tế, Việt Nam đã liên tục tăng nguồn lực cho phòng chống HIV/AIDS và là nước đầu tiên ở Châu Á - Thái Bình Dương đáp ứng với chỉ tiêu đối phó 90-90-90 của LHQ. Việt Nam đã phối hợp với các nước ASEAN, với các tổ chức trong khuôn khổ Liên Hợp Quốc, tham gia chương trình phòng chống HIV/AIDS do Mỹ dẫn dắt. Trong đó, Việt Nam nhận được nhiều sự hỗ trợ cả về nguồn lực tài chính và kinh nghiệm ứng phó với HIV/AIDS.

***2.4.3. SARS***

Việt Nam thể hiện cam kết chính trị ở cấp cao về phòng chống dịch bệnh, cũng như việc chủ động cung cấp thông tin, minh bạch về tình hình và các hoạt động kiểm soát dịch đã thể hiện trách nhiệm của Việt Nam ứng phó với dịch, từ đó tạo được niềm tin và nhận được sự hỗ trợ kịp thời và hiệu quả từ các tổ chức quốc tế (WHO) và các nước trong việc kiểm soát dịch SARS tại Việt Nam.

# CHƯƠNG 3
# ĐÁNH GIÁ VÀ TRIỂN VỌNG HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH CỦA VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI, MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ

## 3.1. Đánh giá và nhận xét

### *3.1.1. Các kết quả đạt được*

Các kết quả cụ thể như sau: Góp phần vào việc khống chế thành công các dịch bệnh nguy hiểm mang tính toàn cầu cũng như khu vực; Góp phần thu hút nguồn lực nhằm nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất trang thiết bị cho công tác phòng chống dịch bệnh; Hỗ trợ việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; hỗ trợ nâng cao năng lực và phát triển nguồn nhân lực; Góp phần thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ và kỹ thuật cao trong lĩnh vực y tế; Nâng cao vị thế ngành y tế Việt Nam trên trường quốc tế; Đóng góp vào các cố gắng hội nhập quốc tế của Việt Nam.

### *3.1.2. Một số hạn chế*

Một số hạn chế chưa được giải quyết triệt để như: Hạn chế về nguồn lực và trình độ khoa học kỹ thuật; Chiến lược trong Hợp tác quốc tế về y tế chưa được cụ thể hóa; Hợp tác phòng chống dịch bệnh phải chia sẻ nguồn lực với các lĩnh vực khác; Cơ chế vận hành thủ tục hành chính trong hợp tác quốc tế y tế chưa được thực hiện hiệu quả; Nhận thức của chính quyền các cấp và phối hợp liên ngành chưa được cải thiện.

## 3.2. Xu hướng dịch bệnh trên thế giới và khu vực 10 - 15 năm tới

Với sự thay đổi của các vấn đề dân số, môi trường, các điều kinh tế, xã hội, một số loại bệnh mới nổi tiềm ẩn nguy cơ bùng phát thành đại dịch là mối đe dọa lớn đối với sức khỏe cộng đồng, cả ở quy mô quốc gia, khu vực và thế giới. Do đó, vấn đề an ninh y tế, phòng chống dịch bệnh ngày càng trở nên cấp bách và đòi hỏi sự phối hợp của tất cả các quốc gia.

**3.3. Những vấn đề đặt ra với công tác phòng chống dịch bệnh.**

Các quốc gia, trong đó có Việt Nam sẽ phải đối mặt với các thách thức như sau: (i) các bệnh truyền nhiễm có tính chất toàn cầu và khu vực đang trở nên phổ biến hơn; (ii) các quốc gia Châu Á hiện đang trải qua một loạt các quá trình chuyển đổi mang tính cơ cấu như toàn cầu hóa, đô thị hóa và biến đổi khí hậu; (iii) từ góc độ kinh tế, một đại dịch sẽ gây ra một sự gián đoạn trong hệ thống sản xuất, giao thông công cộng, trường học, các dịch vụ công cộng, thương mại, dịch vụ hậu cần; (iv) các nước Châu Á chưa thực sự hiệu quả trong việc xây dựng các kế hoạch quản lý dịch bệnh; (v) các tổ chức, thể chế quốc tế chuyên ngành trong lĩnh vực y tế công cộng hiện gặp nhiều khó khăn về nguồn lực, đặc biệt là tài chính trong việc triển khai các hoạt động kiểm soát, phòng chống dịch bệnh.

**3.4. Triển vọng hợp tác quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh**

Quá trình hợp tác quốc tế về y tế và phòng chống dịch bệnh của Việt Nam sẽ có những thuận lợi và cơ hội sau: (i) Hội nhập quốc tế mở ra cơ hội mới cho ngành y tế, nhất là khi Việt Nam đã là thành viên chính thức của nhiều tổ chức quốc tế và khu vực; (ii) tiến trình hội nhập của Việt Nam ngày càng sâu rộng thì càng đòi hỏi phải hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh doanh theo thông lệ quốc tế, (iii) nâng cao năng lực mạng lưới y tế cơ sở theo hướng hiện đại hóa, tăng cường hỗ trợ các trung tâm y tế đạt tiêu chuẩn trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế; (iv) thúc đẩy mạnh mẽ các hoạt động chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi chuyên môn và hợp tác chuyển giao

công nghệ; (v) các nước lớn như Mỹ, Trung Quốc đều đặt vấn đề sức khỏe cộng đồng nói chung, phòng chống dịch bệnh nói riêng là một trong những nội dung quan trọng cả trong chính sách đối nội và chính sách đối ngoại của họ.

## 3.5. Một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy hợp tác quốc tế quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh

### *3.5.1 Về chính sách chung*

Việt Nam cần xây dựng một chiến lược tổng thể, dài hạn về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực an ninh phi truyền thống nói chung và trong lĩnh vực y tế nói riêng, trong đó có lĩnh vực phòng chống dịch bệnh. Luận án đề xuất một số kiến nghị như sau:

- Việt Nam cần coi vấn đề ANPTT, trong đó có vấn đề phòng chống dịch bệnh, là một ưu tiên trong hợp tác quốc tế của Việt Nam.

- Việt Nam cần coi trọng hợp tác quốc tế đa phương nhằm ứng phó các vấn đề ANPTT, trong đó có vấn đề phòng chống dịch bệnh

- Việt Nam cần xác định các diễn đàn đa phương quan trọng mà ưu tiên thúc đẩy hợp tác về các vấn đề ANPTT nhằm phát huy hiệu quả hợp tác.

- Việt Nam có thể nghiên cứu xây dựng chiến lược hoặc kế hoạch tổng thể về hội nhập quốc tế trong lĩnh vực y tế, trong đó có nêu rõ các định hướng lớn cho từng lĩnh vực của ngành y tế.

- Việt Nam cần nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ chế phối hợp liên ngành trong hợp tác về các vấn đề ANPTT, trong đó có vấn đề dịch bệnh.

### *3.5.2. Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực*

- Chú trọng việc đào tạo có định hướng nhằm hình thành một đội ngũ chuyên gia mạnh, không chỉ giỏi chuyên môn về y tế mà còn về ngoại ngữ và nắm bắt được các xu hướng phát triển của y tế thế giới.

- Huy động sự tham gia tích cực hơn của các viện nghiên cứu, trường đại học liên quan nhằm tạo ra các ý tưởng, sáng kiến hợp tác cụ thể trong từng lĩnh vực chuyên ngành.

- Tiếp tục tận dụng và thúc đẩy các chương trình hợp tác đào tạo cán bộ ngành y dưới nhiều hình thức.

***3.5.3. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách***

- Tiếp tục sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng và thực hiện các chính sách phù hợp.

- Tiếp tục đầu tư phát triển các trung tâm y tế chuyên sâu, tạo đà cho sự phát triển y học, đặc biệt là việc chuyển giao kỹ thuật từ thế giới vào Việt Nam.

- Tạo điều kiện cho các hoạt động trao đổi nghiên cứu kinh nghiệm thực tiễn giữa các cá nhân, các cơ sở y tế của Việt Nam và các cá nhân, cơ sở y tế của nước ngoài.

***3.5.4. Nhóm giải pháp về đối ngoại***

- Tăng cường trao đổi chuyên môn kỹ thuật và chia sẻ những kinh nghiệm thành công và những thế mạnh của Việt Nam.

- Nâng cao chất lượng công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại.

- Phát huy vai trò của Bộ Y tế Việt Nam tại các diễn đàn quốc tế và khu vực.

- Tăng cường hợp tác song phương với các nước trên thế giới trên cơ sở vì lợi ích chung giữa hai bên.

- Nghiên cứu việc thành lập và phát triển mạng lưới tùy viên y tế tại các nước trong khu vực và các nước.

- Nghiên cứu khả năng đưa chuyên gia y tế, cán bộ làm đối ngoại trong lĩnh vực y tế vào làm việc tại các tổ chức quốc tế và khu vực.

- Chủ động đưa ra các sáng kiến hợp tác cụ thể thiết thực tại các cơ chế hợp tác đa phương khu vực và quốc tế nhằm thể hiện sự đóng góp cũng như vị thế của Việt Nam tại các diễn đàn, cơ chế này.

# KẾT LUẬN

Kể từ sau Chiến tranh Lạnh, các vấn đề ANPTT nói chung, vấn đề y tế công cộng, phòng chống dịch bệnh nói riêng ngày càng nổi lên trên thế giới và ở khu vực Châu Á -Thái Bình Dương. Các vấn đề này ngày càng diễn biến phức tạp, mức độ tác động đến cuộc sống và sự phát triển của các quốc gia đang tăng dần. Trong thời gian tới, dưới tác động đan xen của nhiều nhân tố như toàn cầu hóa, di cư, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, các vấn đề ANPTT, trong đó có vấn đề dịch bệnh nhiều khả năng sẽ phát triển, diễn biến ngày càng phức tạp.

Việt Nam là một trong những nước dễ bị tổn thương từ các thách thức an ninh phi truyền thống, đặc biệt là dịch bệnh, trong bối cảnh cơ sở hạ tầng và trình độ kỹ thuật y tế của Việt Nam còn hạn chế. Bên cạnh đó, năng lực đối phó của Việt Nam còn tương đối yếu do nhiều nguyên nhân như khả năng tài chính, nguồn lực con người, hệ thống pháp luật đều hạn chế. Chính vì vậy, tăng cường hợp tác quốc tế, cả song phương và đa phương là biện pháp phù hợp đối với thực tế Việt Nam hiện nay để đối phó với các loại dịch bệnh vì mục tiêu an ninh, phát triển và nâng cao vai trò và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Trong thời gian qua, Việt Nam đã tích cực, chủ động trong hợp tác quốc tế về phòng chống dịch bệnh ở cả các kênh song phương, đa phương và ở cả cấp độ khu vực và toàn cầu.

Ở cấp độ khu vực, ASEAN tiếp tục là cơ chế hợp tác chính do đây là khu vực láng giềng sát sườn và có tác động trực tiếp đến các lợi ích an ninh, phát triển của Việt Nam. Cho đến nay, trong khuôn khổ ASEAN, Việt Nam đã: (i) tham gia vào hầu hết các cơ chế phòng chống dịch bệnh chung của ASEAN, (ii) chủ động và tích cực đóng góp vào hoạt động phòng chống dịch bệnh chung của ASEAN thông qua việc đăng cai tổ chức các hội nghị chuyên ngành trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh, (iii) chủ động cùng với các quốc gia thành viên ASEAN xây dựng các chương trình hành động, chương trình hợp tác chung trong lĩnh vực phòng chống dich bệnh, (iv) đã phối hợp cùng các nước thành viên

ASEAN trong việc đàm phán với các công ty dược phẩm nhằm giảm giá các loại thuốc và hóa chất cần thiết dùng để điều trị các dịch bệnh truyền nhiễm, (v) thể hiện vai trò là thành viên có trách nhiệm trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh thông qua các hoạt động trợ giúp y tế tại các một số khu vực trên thế giới như Châu Phi, Lào, Campuchia, Myanmar.

Với sự chủ động và tích cực tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về phòng chống dịch bệnh Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả rõ rệt: (i) góp phần vào việc khống chế thành công các dịch bệnh nguy hiểm mang tính toàn cầu cũng như khu vực, (ii) thu hút nguồn lực nhằm nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất trang thiết bị cho công tác phòng chống dịch bệnh, (iii) hỗ trợ cho các chương trình mục tiêu quốc gia, (iv) góp phần nâng cao năng lực và phát triển nguồn nhân lực, (v) tích cực thực hiện công tác điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế và chủ động tham gia các hiệp định, diễn đàn quốc tế, (vi) góp phần phát triển khoa học công nghệ và kỹ thuật cao trong ngành y tế.

Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một vài hạn chế cần được khắc phục trong thời gian tới để sự tham gia của Việt Nam đạt hiệu quả cao và đáp ứng các mục tiêu mà Việt Nam đề ra.

Trên cơ sở tình hình thế giới và khu vực, cũng như các kết quả, hạn chế hợp tác quốc tế về phòng chống dịch bệnh trong thời gian qua, luận án đề xuất một số chủ trương nhằm nâng cao hiệu quả công tác hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh như: (i) Việt Nam cần coi vấn đề ANPTT, trong đó có vấn đề dịch bệnh là một ưu tiên trong hợp tác quốc tế của Việt Nam; (ii) Việt Nam cần xác định các diễn đàn đa phương quan trọng mà Việt Nam thúc đẩy hợp tác về các vấn đề ANPTT và phòng chống dịch bệnh; (iii) Việt Nam cần xây dựng một chiến lược về hội nhập quốc tế trong lĩnh vực y tế, với các định hướng lớn cho từng lĩnh vực của ngành y tế, trong đó có lĩnh vực phòng chống dịch bệnh, và thực hiện các nhóm giải pháp cụ thể về nguồn nhân lực, cơ chế - chính sách và nhóm giải pháp về đối ngoại.

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. (2019), "Hợp tác Việt Nam - ASEAN trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh", *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, tr.59 - 63.
2. (2019), "Hợp tác quốc tế về an ninh con người, phòng chống dịch bệnh", *Tạp chí đối ngoại (114)*, tr.43 - 49.
3. (2019), "Vietnam's International Cooperation in preventing diseases since innovation", Journal of Clinical Medicine, $N^0$3 - April 2019, p 68 - 74